

VŨ HỒNG VÂN*
NGUYỄN TRỌNG LONG**

ẢNH HƯỞNG CỦA PHẬT GIÁO TRONG TỤC THỜ CÚNG ÂM HỒN Ở NGƯỜI VIỆT

Tóm tắt: *Tục thờ cúng âm hồn là một loại hình tín ngưỡng dân gian, vốn đã rất phổ biến trong đời sống tín ngưỡng của người Việt. Cũng như các tín ngưỡng dân gian khác, trong sự giao lưu và thay đổi liên tục của các dòng chảy văn hóa, tín ngưỡng này cũng đã chịu sự ảnh hưởng của các tôn giáo ngoại lai, trong đó có Phật giáo. Trên cơ sở khảo cứu các thư tịch cổ cũng như thực hiện điền dã ở một số địa phương trên cả nước, bài viết trình bày một cách có hệ thống tục thờ cúng âm hồn và ảnh hưởng của Phật giáo tới tín ngưỡng này.*

Từ khóa: *Phật giáo; tục thờ cúng; âm hồn; người Việt.*

Mở đầu

Trước hết, có thể khẳng định, tục thờ cúng âm hồn là một loại hình tín ngưỡng dân gian có từ lâu đời và phổ biến trong đời sống tâm linh của quảng đại quần chúng nhân dân, được trải dài trên cả ba miền Bắc, Trung, Nam của Việt Nam. Nhờ được sự thừa nhận và những chế định khá rõ ràng về việc cúng tế, thờ phụng trong các văn bản pháp quy của các triều đình phong kiến, qua các thời kỳ lịch sử của dân tộc mà tín ngưỡng này được củng cố, duy trì và phát triển cho đến ngày hôm nay.

Trong quá trình tồn tại và phát triển của mình, cũng như các loại hình tín ngưỡng dân gian khác, việc tiếp thu, chỉnh sửa và sử dụng các trào lưu văn hóa, các tín ngưỡng tôn giáo thế giới là điều không thể tránh khỏi. Ở Việt Nam nói riêng và ở các nước Đông Á nói chung, Phật giáo có ảnh hưởng to lớn đến mọi lĩnh vực của đời sống, đặc biệt

* Đại học Giao thông vận tải, Phân hiệu tại Tp. Hồ Chí Minh.

** Đại học Tài nguyên Môi trường Tp. Hồ Chí Minh.

Ngày nhận bài: 4/01/2019; Ngày biên tập: 15/01/2019; Ngày duyệt đăng: 25/01/2019.

trên lĩnh vực sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo. Trong tư tưởng truyền thống Việt Nam, cùng với Nho giáo, Đạo giáo, Phật giáo được du nhập vào rất sớm, không gặp ngáng trở, phát triển tự do, chi phối sinh hoạt tinh thần, phát triển từ thấp đến cao.

Người Việt vốn có truyền thống dân chủ, đề cao sự hài hòa, ưa khám phá những điều mới. Hệ tư tưởng không ràng buộc vào một khuôn khổ nhất định, nên từ khi Phật giáo du nhập vào Việt Nam, cha ông ta đã chủ động mở cửa, đón nhận những tinh hoa của hệ tư tưởng ấy, chọn lọc, dung hợp và chuyển hóa thành cái riêng có, phù hợp với điều kiện, đặc thù hoàn cảnh sống, phục vụ cho lợi ích chung của dân tộc. Một trong những sự hòa hợp ấy được thể hiện một cách rõ nét trong tục thờ cúng âm hồn phổ biến ở hầu khắp mọi miền trên đất nước ta.

Là một loại hình tín ngưỡng dân gian của người Việt, tục thờ cúng âm hồn không chỉ chứa đựng những giá trị văn hóa, giá trị đạo đức tốt đẹp, mà còn thể hiện thế giới quan, nhân sinh quan của một bộ phận không nhỏ người dân Việt. Tuy có những tiêu cực nhất định, song tục thờ cúng âm hồn đã có ảnh hưởng tích cực tới đời sống của mỗi cá nhân, cộng đồng và xã hội. Bên cạnh các loại hình tín ngưỡng dân gian tiêu biểu, như: tín ngưỡng thờ Mẫu, tín ngưỡng thờ thành hoàng làng,... vốn đã rất phổ biến trong đời sống toàn thể dân tộc Việt Nam, thì hệ thống giá trị của tục thờ cúng âm hồn cũng là một cách thức nhằm giáo dục những giá trị tốt đẹp con người Việt Nam, đồng thời thỏa mãn nhu cầu tâm linh của mỗi cá nhân, dòng tộc và cộng đồng.

1. Khái niệm về âm hồn và tục thờ cúng âm hồn của người Việt

1.1. Khái niệm về âm hồn

Trong quan niệm dân gian của người Việt Nam, con người sống là sự kết hợp của hai phần: phần “xác” và phần “hồn”. Có thể hiểu phần xác chính là phần vật chất, có thể nhìn thấy; nói khác đi, đó chính là cơ thể, xác thân của con người. Phần hồn là phần phi vật chất, trừu tượng liên quan đến tinh thần, suy nghĩ, tình cảm của con người.

Cũng theo quan niệm dân gian ấy, con người có hai nhóm linh hồn: ba hồn, bảy vía (bảy phách). Đàn bà có nhiều hơn đàn ông hai phách,

tức chín phách (chín vía). Những linh hồn này trú ngụ ở trong thân thể con người, hòa quyện với thể xác, hình thành con người sống. Con người (thể xác) tiếp nhận những linh hồn vào ngày sinh ra đời hay ngày thụ thai.

Hồn là chỉ các linh hồn tinh thần, còn vía là chỉ những linh hồn vật chất. Hồn thiêng hơn vía, vì thế khi người nào còn sống (sự hòa quyện của cả thể xác và linh hồn), thì do tôn trọng, mọi người tránh nói đến hồn của người đó. Vía có thể vừa có lợi, vừa gây hại trong đời sống hàng ngày. Vía có những tính chất khác nhau, tùy theo người có vía xấu hay tốt: có những người có vía tốt lành; những người khác có vía xấu và dữ. Vía tốt đem lại điều phúc, điều may mắn, do đó mọi người tìm cách gặp vía tốt. Vía xấu có ảnh hưởng tai hại: trong mọi công việc, người ta cố gắng tránh xa vía xấu.

Đối với các nhà nghiên cứu tín ngưỡng dân gian Việt Nam, cũng có những quan điểm khác nhau về âm hồn: theo *Từ điển văn hóa, phong tục cổ truyền Việt Nam*, âm hồn là: “hồn của người chết ở nơi cõi âm theo tưởng tượng, có thể quanh quẩn bên người thân còn sống”¹. Âm hồn cũng có thể là linh hồn của những người chết từ nơi khác trời dạt về, không biết danh tính được người dân trong làng lo mai táng, chôn cất. Âm hồn còn là “cộng đồng vong hồn gồm đủ loại từ vua quan đến thứ dân, từ giàu sang đến nghèo hèn”². “Tục ta tin quỷ thần cho nên sự gì cũng cho người chết có linh hồn, có tri giác cũng như người sống. Mà ở dưới âm phủ, cũng có kẻ khổ người sướng như trên dương gian. Người có con cái giữ hương hỏa thì hồn phách có chỗ bằng y, người bất hạnh tuyệt tự thì không có ai cúng cấp chắc là phải phiêu nổi ở dưới âm phủ”³.

Qua việc tìm hiểu trên ta thấy, tuy sự lý giải giữa các quan điểm có chút khác nhau về “xác và “hồn” nhưng đều tương đồng ở quan niệm: khi con người chết đi sẽ có sự tách lìa giữa phần hồn và phần xác. Ở đây, các quan niệm đều cho rằng: khi một người chết đi thì phần xác sẽ tan biến theo thời gian, còn phần hồn sẽ tiếp tục tồn tại.

Như vậy, từ sự phân tích trên ta thấy, âm hồn được chia làm hai loại: linh hồn có chủ (có họ hàng, thân thích), linh hồn vô chủ (cô hồn). Linh hồn có chủ, tức là những người có cái chết bình thường

(chết do tuổi già, do ốm đau bệnh tật, hay do những quy chuẩn về tuổi thọ nơi dương thế đã được định rõ ở sổ sinh tử của Thiên Tào⁴), được người thân, con cháu trong dòng họ thờ cúng. Cô hồn là linh hồn cô đơn, linh hồn đơn độc, không được ai thờ cúng. Trong *Từ điển tiếng Việt* có ghi: “cô hồn là hồn người chết không có họ hàng thân thích thờ cúng”⁵.

1.2. Tục thờ cúng âm hồn của người Việt

Trong tâm thức của đại đa số người dân Việt, cái chết là do hồn, vía rời bỏ khỏi thể xác. Những hồn, vía rời khỏi thân thể lúc con người trút hơi thở cuối cùng, từ đây tiếp tục sống không phụ thuộc vào thân thể. Từ sự phân loại âm hồn nêu trên, tục thờ cúng âm hồn ở Việt Nam được chia thành hai loại: thờ cúng âm hồn trong gia đình, dòng tộc và thờ cúng âm hồn ngoài cộng đồng (thờ cúng cô hồn).

Đối với việc thờ cúng âm hồn trong dòng tộc (thờ cúng tổ tiên):

“Đối với người Việt Nam cổ, chết chưa phải là hết, thể xác tuy chết đi nhưng linh hồn vẫn còn và vẫn hằng “lui tới” gia đình. Thể xác tiêu tan nhưng linh hồn bất diệt”⁶. Những người thân trong gia đình (ông, bà, cha, mẹ, anh, em...) sau khi chết, cũng có những nhu cầu và ước muốn như người còn sống. “Tục ta lại tin rằng dương sao âm vậy, người sống cần gì, sống làm sao thì chết cũng như vậy và có một cuộc “SỐNG” ở cõi âm như cuộc sống của người dương thế, nói khác đi, người chết cũng cần ăn, uống, tiêu pha, nhà ở như người sống”⁷.

Ngay sau khi tạ thế (hồn lìa khỏi xác), để soi sáng bước đi của hồn vía khi rời khỏi thân thể, những người còn sống (người thân trong gia đình) sẽ phải thắp nến sáng, hóa cho hồn tiền, vàng để trả tiền đồ xuống âm phủ, cúng hồn đồ ăn thức uống để làm dịu cơn đói khát của hồn.

Người ta hóa cho hồn đồ vàng mã bắt chước đúng hệt tất cả những gì khi con người còn sống cần đến, như: đồ đạc, ngựa, đầy tớ,...; người giàu có còn hóa cho hồn xe đạp, xe máy, xe hơi... và đôi khi cả máy bay. Ở xã hội hiện tại, người ta còn hóa cho hồn điện thoại, máy tính bảng... Bồn phận thiêng liêng của một người con hiếu thảo là phải cung ứng đầy đủ mọi nhu cầu của tổ tiên đã khuất. Đối với người Việt, người thực hiện các nghi lễ trên cho hồn thường là con trai

trưởng (hoặc cháu đích tôn) trong gia đình. Ngoài ra, con cháu cũng có thể lập ban thờ riêng ở tại gia đình. Nhưng đến những ngày quan trọng, như: giỗ, sang cát, chạp tổ... thì phải tụ tập về nhà con trưởng, tộc trưởng.

Có thể nói: “Tục thờ cúng tổ tiên là tín ngưỡng phổ biến nhất của người Việt Nam. Nó bắt nguồn từ niềm tin rằng linh hồn người chết vẫn tồn tại trong thế giới chúng ta và ảnh hưởng tới cuộc sống của con cháu”⁸. Thờ cúng tổ tiên thường diễn ra vào những ngày giỗ, lễ, tết để tưởng nhớ những người đã khuất, thể hiện niềm ngưỡng mộ, tôn kính... và cầu mong được “phù hộ” cho mọi điều tốt lành. Người Việt Nam lấy lòng biết ơn làm nền tảng đạo lý, là con cháu đều phải biết ơn những đấng sinh thành. Ngày giỗ của cha mẹ, ông bà... là kỷ niệm ngày mất, tạo nên cơ sở cho quan hệ gia đình. Có tồn tại linh hồn hay không thì không thể biết, nhưng có một điều chắc chắn là con cháu thì phải biết ơn tổ tiên.

Trong việc cúng bái vong linh của tổ tiên, người Việt coi trọng việc cúng giỗ vào ngày mất (còn gọi là kỵ nhật) thường được tính theo Âm lịch (hay còn gọi là ngày ta). Con cháu tin rằng, đó là ngày vong linh của tổ tiên đi vào cõi vĩnh hằng. Không chỉ ngày giỗ, việc cúng vong linh tổ tiên còn được thực hiện đều đặn vào các ngày mùng một (ngày sóc), ngày rằm (ngày vọng), và các dịp lễ tết. Những khi trong nhà có việc quan trọng như: dựng vợ, gả chồng, sinh con, làm nhà, đi làm ăn xa, thi cử,... người Việt cũng dâng hương, làm lễ cúng bái vong linh tổ tiên, để báo cáo và để cầu tổ tiên phù hộ; hay để tạ ơn khi công việc thành công.

Bản chất việc thờ cúng vong linh tổ tiên của người Việt là từ niềm tin người sống, cũng như người chết đều có sự liên hệ mật thiết với nhau. Con cháu thì thăm hỏi, khấn cáo tiền nhân; tổ tiên thì che chở, dẫn dắt hậu thế. Nên, việc cúng giỗ là thực hiện mối dây liên hệ giữa những người đã sống và những người đã khuất.

Niềm tin về cái chết cho rằng “tử tuất quy thổ, cốt nhục tề ư, hạ âm vi giả thổ, kỳ phí phát dương ư thượng vi chiêu minh”. Nghĩa là chết tắt trở về với đất, xương thịt xuống thấp tan biến vào trong lòng đất, còn khí dương bay lên cao sáng rực rỡ. “Thờ cúng tổ tiên mang ý

nghĩa là một tín ngưỡng ở chỗ gây niềm tin thiêng liêng vào linh hồn ông bà tổ tiên coi như vị thần hộ mệnh. Phù hộ che chở cho con cháu trong suốt những tháng ngày làm ăn sinh sống”⁹.

Đối với việc thờ cúng âm hồn ngoài cộng đồng (cúng cô hồn):

Trong thế giới huyền bí, có những hồn bị bỏ rơi phải lưu lạc, hay chẳng có thân thích và bạn bè. Đây là hồn của những người bất hạnh, chết vì tai nạn hoặc nghèo khổ trên các nẻo đường, xác không được mai táng, không có ai nhang khói, cúng tế, trông nom. Những hồn này lang thang theo sau các đám mây đen, những màn mưa phùn lâm thâm, hay nằm trên các cành cây. Đây còn là hồn của những người chết đuối ở sông ngòi, ở biển, lờn vờn những nơi họ đã chết, để đợi có kẻ khác chết thay, đó chính là cô hồn, từ đó hình thành nên việc thờ cúng âm hồn ngoài cộng đồng.

Việc thờ cúng âm hồn ngoài cộng đồng bên cạnh nguyên nhân không có người thân thờ tự, thì theo quan niệm dân gian, đối tượng này cũng có thể gây ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống của người dân. Việc cúng bái xuất phát từ tâm lý sợ hãi, mong âm hồn đừng quấy phá công việc làm ăn, buôn bán và tạo điều kiện thuận lợi cho công việc của mình. Ngoài ra, tín ngưỡng thờ cúng cô hồn còn là một hình thức cầu an, cầu mùa, cầu mong xứ sở, xóm làng được bình yên.

Theo đó, vong hồn cô độc theo quan niệm dân gian, do không có người tế tự, cúng kiếng nên bị bỏ đói khát, lạnh lẽo thường phải lang thang vẩn vơ, gieo rắc tai họa cho con người trần thế, đặc biệt là các vong hồn uống tử vốn còn nhiều sân hận nên trở thành đám “ôn hồn dịch lệ” hại đời. Do đó, những người trên dương thế phải thực hiện cúng bái. “Tục ta tin rằng những người không ai cúng giỗ phải đi cướp cháo lá đa trong những lễ cúng cô hồn thường được tổ chức những dịp vào hè hoặc ra hè, cũng như những dịp rằm tháng bảy hoặc cuối năm. Đi cướp cháo lá đa là một điều cực khổ cho vong hồn người chết; những người công con thường bị kẻ thù sỉ vả là đồ cướp cháo lá đa!”¹⁰. “Về ba tháng hè thì cứ ngày rằm, ngày mùng một nấu cháo cúng, đổ vào lá đa cuộn tròn lại cắm hai bên dọc đường gọi là cúng các quan, hoặc gọi là cúng bách linh. Cho nên tục có câu rằng: cướp cháo thí lá đa, là nói những người vô hậu”¹¹.

Như vậy, tín ngưỡng này có ý nghĩa nhân văn cao cả, đó là sự cảm thông sâu sắc giữa người sống với người đã chết và còn là sự tri ân đối với các bậc tiền bối đã có công giữ gìn cho làng xóm bình yên, đã có công khai phá và xây dựng làng mạc, ruộng đồng. Có nhiều hình thức thờ cúng cô hồn khác nhau, có loại cúng nhưng không thờ, thường phổ biến ở gia đình, cá nhân. Có loại cúng có cơ sở thờ tự (nghĩa tự, am chúng sinh) thường phổ biến ở cộng đồng làng, xã. “Những cô hồn, những ma đói, ma khó không ai cúng giỗ thường châu chực ở những lễ cúng cô hồn này “xông vào” cướp lấy chút cháo ăn. Những đền chùa, những nhà từ tâm thường hay tổ chức những lễ cúng cô hồn, cốt để những hồn không ai hương khói có nơi tới phôi hường”¹². “Nhiều nơi mỗi năm vào rằm tháng Bảy, hoặc công làng, hoặc riêng một hội thiện, thiết đàn tràng tại cửa am để làm chay, cúng hai, ba hoặc năm bảy ngày”¹³.

Tất cả những quan điểm sinh hóa trên đã tạo nên trong tâm thức của người Việt Nam về sự tồn tại của linh hồn sau khi con người chết đi. Do đó, từ rất xa xưa, trong các sinh hoạt tâm linh hàng ngày của người Việt đã hình thành thói quen thờ cúng những người đã khuất (âm hồn). Thói quen đó lâu ngày, trải qua nhiều thế hệ đã trở thành phong tục của người dân Việt. Tuy nhiên, cùng với sự biến đổi của thời gian và cả sự giao lưu, tiếp thu của các dòng chảy văn hóa trên thế giới thời kỳ hội nhập, phong tục thờ cúng này đã có những biến đổi so với cái gốc ban đầu, vừa mang tính tích cực, vừa mang tính tiêu cực, tác động xấu đến nhận thức cũng như hành vi ứng xử xã hội của một bộ phận người Việt Nam.

2. Ảnh hưởng của Phật giáo trong tục thờ cúng âm hồn của người Việt

2.1. Ảnh hưởng của Phật giáo trong quan niệm về âm hồn của người Việt

Phật giáo quan niệm con người được tổng hòa từ năm yếu tố, được gọi là ngũ uẩn gồm: sắc, thọ, tưởng, hành và thức. Trong đó, sắc là yếu tố hữu hình (yếu tố vật chất) tạo nên phần thể xác của con người. Còn lại các yếu tố: thọ, tưởng, hành, thức chính là những yếu tố vô hình, tương ứng với các yếu tố của cảm giác, tri giác, lý trí và nhận

thức. Nếu gộp bốn yếu tố vô hình này lại thì đó chính là phần linh hồn của con người.

Trong triết thuyết của mình, Phật giáo quan niệm sự sống là một chu kỳ quay vòng theo đơn vị tính là “kiếp” (một chu kỳ sinh - tử). Mọi thân phận sướng, khổ của con người trần thế đều là hệ quả của nguyên nhân tương ứng, gọi là “gieo nhân nào thì gặt quả ấy”. “Nhân” có thể được tạo từ kiếp trước hoặc ngay kiếp hiện tại; “Quả” nếu không lĩnh đủ ngay trong lúc còn sống thì sẽ báo ứng vào kiếp sau.

Theo thuyết nhân quả của Phật giáo, con người sau khi chết, hồn sẽ lìa khỏi thể xác, phần hồn tùy theo nghiệp (được tạo ra lúc còn sống) sẽ đầu thai theo “lục đạo” (sáu con đường), bao gồm: Thiên: cõi trời như Phật, Bồ Tát,...; Người: con người (sang, hèn, giàu, nghèo, hạnh phúc, bất hạnh...); A tu la: Quỷ thần (bậc ở trung gian); Súc sinh: súc vật như trâu, bò, lợn...; Ma quỷ: loài quỷ đói thường ở nơi sù uế, ẩm ướt; Địa ngục: đường về của kẻ tà ác (cõi âm, ứng với 18 tầng địa ngục).

Cũng theo quan điểm của Phật giáo, con người sau khi chết sẽ được “Thập điện Diêm Vương” (do Địa tạng Vương Bồ Tát cai quản) xét xử công, tội trong vòng bảy tuần, ứng với bảy cửa ngục. Thế nên, trong tang ma của người Việt mới có tục cúng bốn mươi chín ngày, đưa vong lên chùa để sư sãi cầu cho linh hồn siêu thoát. Theo quan niệm “luân hồi - nhân quả”, hết bốn mươi chín ngày, các linh hồn sẽ thuộc quyền quản lý của những vị quan ở dưới âm phủ. Họ sẽ soi xét công minh mọi điều lớn nhỏ mà con người lúc sống đã “tạo nghiệp” để quyết định sự đầu thai như thế nào, làm người, làm súc sinh hoặc bị đẩy xuống địa ngục, chịu những hình phạt nặng nề.

Người dân cho rằng, làm lễ để cầu mong đại xá cho những linh hồn đang bị đày ở địa ngục. Đó là những trường hợp sống trên dương thế đã làm những điều xấu, “thương thiên, hại lý”, lúc chết đi sẽ bị trừng phạt.

Những cảnh khủng khiếp đó được vẽ ở lối vào các chùa lớn hay được truyền bá trong nhân dân bằng tranh dân gian, làm cho người sống khiếp sợ... Ai ai cũng mong cho người thân thích của mình được mau chóng hóa kiếp hay được sống dễ chịu ở thế giới bên kia. Muốn

như vậy, mọi người nhất trí cầu chư Phật, chủ yếu là cúng Phật Bà Quan Âm, vị Bồ Tát trong cuộc viếng thăm địa ngục, đã bằng đức nhân từ của mình mà xin cho những kẻ bị đầy được đại xá.

Quan điểm này đã tạo trong tâm thức một bộ phận của người dân Việt về sự thường thiện và phạt ác của linh hồn. Con người, khi sống làm những việc thiện, “tu thân”, “tích đức”..., khi chết linh hồn sẽ được về với cõi Phật, “nuông nhờ nơi cửa Phật”, hoặc sẽ được đầu thai trở lại kiếp người. Còn đối với những người khi còn sống làm những điều “thương thiên”, “hại lý”, tạo “ác nghiệp”,... khi chết sẽ tùy theo tội mà bị đầy xuống địa ngục, chịu nhiều hình phạt thích đáng.

Với thuyết “luân hồi, nhân quả”, rõ ràng Phật giáo chỉ ra tính chu kỳ vô hạn của sự tồn tại linh hồn. Đây chính là điểm khác biệt cơ bản giữa quan niệm Phật giáo và tín ngưỡng thờ cúng âm hồn của người Việt. Nếu dựa trên quan điểm của Phật giáo, ông bà, cha mẹ... mất đi, mọi linh hồn tất phải theo vòng luân hồi, kiếp này sang kiếp khác. Mọi công - tội; thiện - ác; tốt - xấu... của từng cá nhân lúc còn sống sẽ dẫn đến việc linh hồn đó sẽ đi sang kiếp sau như thế nào. Đứng trên giáo lý nhà Phật, với quyền năng vô biên của Phật pháp, Thập điện Diêm Vương sẽ không thể bỏ sót một linh hồn nào. Theo đó, không có thể tồn tại những linh hồn của tổ tiên để “đi về” với con cháu, hay cả những linh hồn, ngọc quý vất vưởng nơi nhân thế.

Ở đây, dù có sự mâu thuẫn về có hay không sự tồn tại của linh hồn xung quanh những người còn đang sống, nhưng trải qua ngàn đời, kể từ khi người Việt dung nạp Phật giáo vào đời sống tín ngưỡng của mình, người Việt vẫn duy trì song song cả 2 hệ tư tưởng nhân sinh quan, để rồi đan xen, trộn lẫn thành một tập hợp mang tín hồn dung tín ngưỡng, in đậm sắc thái dung hòa bao đời nay của người Việt.

2.2. Tục thờ cúng âm/cô hồn

Nhà nghiên cứu Nguyễn Lang trong công trình *Việt Nam Phật giáo Sử luận* viết: “Lễ siêu độ ngọc quý, cô hồn có nguồn gốc từ Ấn Độ được truyền sang và thịnh hành ở Trung Hoa vào đời Đường do ngài bất Không Kim cang (Amogha), còn gọi là bất Không Tam Tạng, người bắc Ấn Độ, một truyền nhân nổi tiếng của Mật giáo (Kim Cang

Thừa - Vajrayāna) hoàng hóa”¹⁴. Với nhận định trên, về thực chất, đó chính là lễ cúng cô hồn (lễ siêu độ ngạ quỷ), không phải là lễ cúng âm hồn nói chung.

Tuy nhiên, chúng tôi chưa thấy tài liệu nào cho biết chính xác niên đại của nghi lễ siêu độ ngạ quỷ có ở Việt Nam từ khi nào. Theo tác giả Nguyễn Lang, lễ siêu độ cô hồn đã được phổ biến rộng rãi ở đời Trần. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư* chép, phép thí thực này du nhập vào Đại Việt vào năm 1302 do một đạo sĩ tên Hứa Tông Đạo truyền vào. “Bấy giờ có người đạo sĩ phương Bắc là Hứa Tông Đạo theo thuyền buôn sang ta, cho ở bến sông Yên Hoa. Phép phù thủy, đàn chay bắt đầu thịnh hành từ đó”¹⁵.

Năm 1320, nhà sư Phổ Huệ tổ chức trai đàn chẩn tế ở chùa Phổ Minh trong cung để cầu cho Thượng hoàng Trần Anh Tông sống lâu thêm. “Bấy giờ Bảo Từ thái hậu cho gọi sư Phổ Huệ đến chùa Phổ Minh mở hội Quán đĩnh (Quán đĩnh (Abhiseka) là một nghi lễ của Phật giáo, dùng nước hoặc sữa gọi lên đỉnh đầu). Anh Tông bệnh vừa chuyển nặng, Phổ Huệ xin được gặp để trình bày việc sống chết”¹⁶.

Trong những trai đàn lớn, nghi thức chẩn tế được dùng là nghi thức Du Già Khoa Nghi, đầy những ấn quyết và thần chú. “Trong thiên môn, thời khóa tụng niệm buổi chiều thường có một nghi thức thí thực cô hồn ngắn, gọi là Mông Sơn thí thực văn. Cả hai nghi thức đều mang nặng màu sắc Mật giáo”¹⁷.

Theo *Đại Nam Nhất Thống Chí*, phần về tỉnh Nghệ An, Quảng Bình có ghi: “về việc tế âm hồn, năm 1449 lập đền tế âm hồn không ai thờ cúng. Đến năm 1464 mới định lễ vật thịt rượu tế âm hồn, chia làm ba bậc thượng, trung, hạ đều theo như lễ vật tế bách thần, hàng năm sai quan phủ đặt tế lễ ba mùa (xuân, hạ, thu), làm thành lệ”¹⁸. Còn theo Phan Huy Chú: “Lễ này có từ đầu nhà Lê, về sau vẫn làm theo, không đổi”¹⁹.

Riêng ở Huế, hàng năm, cứ đến dịp 23/5 Âm lịch, người dân lại tổ chức ngày lễ cúng âm hồn. Đây là một nghi lễ vừa mang tính chất gia đình lại vừa có tính chất cộng đồng trong một đoàn thể, tổ chức hay trong một tập thể dân cư ở cùng tổ, phường, đình,...

Việc lễ cúng âm hồn ở Huế được tổ chức một cách trang trọng liên quan đến sự kiện kinh đô bị mất về tay Pháp năm 1885. Giai đoạn 1883 - 1885 là giai đoạn nhạy cảm nhất trong lịch sử Việt Nam thời triều Nguyễn. Năm 1883, sau khi Pháp nã đại bác vào Thuận An, kinh thành Huế rơi vào thế lâm nguy, triều đình hoang mang lo sợ. Lúc này chỉ có Tôn Thất Thuyết vẫn cương quyết giữ vững lập trường đánh Pháp. Theo một số ghi chép, dường như không có gia đình nào là không chịu mất mát sau biến cố. Khoảng 9.300 binh lính và thường dân bị thương vong ngay tại chỗ. Họ là những quân sĩ, dân chúng, quan lại, thợ thầy,... tử nạn vì nhiều nguyên do. Hoặc là chết vì súng đạn giặc Pháp, hoặc do chen lấn, dầy đạp nhau mà chết, hoặc cũng có thể bị ngã khi tìm cách leo ra khỏi thành, hoặc sẩy chân xuống các ao hồ dầy đặc trong hoàng thành, nhất là hồ Tịnh Tâm (trong Đại Nội ở Huế).

Những người sống sót sau biến cố bàng hoàng, tiếc thương cho những người bị chết một cách oan uổng nên đã lập đàn cúng bái. Từ đó trở đi, ngày 23/5 Âm lịch hàng năm trở thành ngày “giỗ chung” cho cả kinh thành Huế. Vào ngày này, người dân ở Huế lại làm lễ cúng cho những người tử nạn, không kể người đó có phải là người thân trong gia đình hay không.

Như vậy, âm hồn (linh hồn) những người trong gia đình, dòng tộc (tổ tiên, những người đã mất), âm linh hay cô hồn có thể hiểu: là linh hồn của những người quá cố (người chết) không nơi thờ tự. Họ có thể là những người vô gia cư, không người thân thích hoặc có thể họ vẫn còn gia đình, người thân nhưng trong các thời kỳ loạn lạc, phải ly biệt quê hương, trong hoàn cảnh chạy loạn chẳng may tai bay vạ gió mà thác đi; những vị thương khách bốn ba khắp nơi, các chiến sĩ trên những chiến trường ác liệt chẳng may qua đời mà không thể tìm được thân nhân, không ai biết tên tuổi để cúng giỗ hàng năm thì vô tình họ trở thành những linh hồn cô độc, không người hương khói, không nơi thờ tự; hay những ngư dân vùng ven biển cả cuộc đời gắn liền với biển cả, lên đênh, rong ruổi trên từng con sóng, chẳng may sóng bão mà chết mất xác, linh hồn phiêu dạt.

2.3. Lễ Vu Lan và lễ cúng cô hồn rằm tháng Bảy ở Việt Nam

Lễ Vu Lan bắt nguồn từ sự tích về lòng hiếu thảo của Mục Liên (Mục Kiền Liên). Mục Liên vốn là một tu sĩ khác đạo đã quy y và trở thành một đệ tử lớn của Đức Phật, được liệt vào hạng thần thông đệ nhất trong hàng đệ tử của Đức Phật. Sau khi đã chứng quả A La Hán, Mục Liên nhớ về thân mẫu, dùng huệ nhãn nhìn xuống cõi khổ và thấy mẹ là bà Thanh Đề bị đọa vào kiếp ngạ quỷ (quỷ đói) nơi địa ngục A Tì.

Nhìn mẹ thân hình tiêu tụy, đói không được ăn, khát không được uống, Mục Liên vận phép thần thông đến với mẹ và dâng cơm cho mẹ ăn. Nhưng ác nghiệt làm sao, những hạt cơm cứ gần tới miệng mẹ thì bỗng hóa thành lửa. Không có cách nào khác, Mục Liên trở về thưa chuyện với Đức Phật, xin được chỉ dạy cách cứu mẹ.

Phật cho Mục Liên biết vì nghiệp chướng của các kiếp trước mà mẹ ông phải sinh vào nơi ác đạo làm loài ngạ quỷ. Phật dạy, một mình Mục Liên thì vô phương cứu mẹ mà phải nhờ đến uy đức của chúng tăng khắp nơi, đồng tâm hiệp ý cầu xin mới cứu được. Mục Liên phải thành kính đi rước chư tăng khắp mười phương về, đặc biệt là các vị đã đạt được sáu phép thần thông, nhờ công đức cầu nguyện của các vị này thì vong linh mẹ Mục Liên mới thoát khỏi khổ đạo.

Phật lại dạy Mục Liên sắm đủ các món thực phẩm quý theo mùa, hương dầu đèn nến, giường, chõng, chiếu, gối, chăn, màn quần, áo, thau rửa mặt, khăn lau tay... dâng cúng các vị chư tăng. Vào đúng dịp rằm tháng 7, lập trai đàn để cầu nguyện. Trước khi thọ thực, các vị chư tăng sẽ chú tâm cầu nguyện cho cha mẹ và ông bà bảy đời của thí chủ được siêu thoát... Mục Liên làm đúng như lời Phật dạy. Quả nhiên, vong của mẫu thân được thoát khỏi kiếp ngạ quỷ mà trở về cõi an lành.

Lễ cúng cô hồn có liên quan đến câu chuyện giữa A Nan Đà, thường gọi tắt là A Nan, với một con quỷ miệng lửa (diêm khẩu). Một buổi tối, A Nan đang ngồi trong tịnh thất thì thấy một con ngạ quỷ thân thể khô gầy, cổ nhỏ mà dài, miệng nhả ra lửa bước vào. Quỷ cho biết rằng ba ngày sau, A Nan sẽ chết và sẽ luân hồi vào cõi ngạ quỷ miệng lửa, mặt cháy đen như nó.

A Nan sợ quá, bèn nhờ quỷ bày cho phương cách tránh khỏi khổ đồ. Quỷ đối nói: “Ngày mai ông phải thí cho bọn ngạ quỷ chúng tôi mỗi đứa một hộc thức ăn, và soạn lễ cúng đường Tam Bảo thì ông sẽ được tăng thọ, còn tôi sẽ được sinh về cõi trên”. A Nan đem chuyện thưa chuyện với Đức Phật. Đức Phật bèn cho bài chú gọi là “Cứu bạt diệm khẩu ngạ quỷ Đà La Ni”. A Nan đem tụng trong lễ cúng và được thêm phúc thọ, v.v...

Tục cúng cô hồn bắt nguồn từ sự tích này nên ngày nay người ta vẫn nói cúng cô hồn là *Phóng diệm khẩu*, với nghĩa gốc là “thả quỷ miệng lửa”. Về sau, lại được hiểu rộng thành các nghĩa khác, như: Tha tội cho tất cả những người chết (xá tội vong nhân) hoặc cúng thí cho những vong hồn vật vờ (cô hồn).

Điểm khác biệt giữa lễ Vu Lan và lễ cúng cô hồn

Rằm tháng 7 Âm lịch hàng năm được gọi là ngày lễ Vu Lan (báo hiếu). Rằm tháng 7 Âm lịch cũng lại là ngày lễ cúng cô hồn hoặc còn gọi là ngày “xá tội vong nhân”. Tuy nhiên, cần đặc biệt lưu ý là: lễ Vu Lan và lễ cúng cô hồn là hai lễ cúng hoàn toàn khác nhau. Một đằng là để cầu siêu cho cha mẹ và ông bà bảy đời, một đằng là để bố thí cho những vong hồn không ai thờ cúng. Một đằng là báo hiếu, một đằng là làm phúc. Do hai lễ đó trùng trong ngày rằm tháng 7 nên nhiều người lầm tưởng rằng hai lễ đó là một.

Thực tế cho thấy, vào dịp rằm tháng 7, các ông các bà thường cúng trước ngày 15 và hóa vàng mã cũng trước ngày này. Nguyên nhân vì sao có hiện tượng này? Qua tham khảo ý kiến của một số nhà tâm linh, cũng như thực hiện điền dã tại một số địa phương trên cả nước, chúng tôi nhận thấy có quan niệm từ ngày 2-14/7 Âm lịch là các ngày “mở cửa địa ngục”, các cô hồn được xá tội, thoát về dương thế, vất vưởng khắp nhân gian. Người dân tin là ngày mở cửa ngục ân xá cho vong linh, nên dân gian sắm cỗ cúng các vong linh không nhà cửa, không nơi nương tựa để được bình an, ma quỷ không quấy phá. Ở miền Bắc cúng thổ công, gia tiên, ông bà, mọi người thường cúng trước ngày rằm tháng Bảy.

Đúng ngày rằm tháng Bảy, Phật tổ xá tội vong nhân trong vòng một ngày, mọi linh hồn kể cả tội lỗi, quỷ dữ, dạ xoa đều được tự do.

Vì vậy, nếu cúng tổ tiên đúng ngày này thì sợ bị những linh hồn này phá phách, rước thêm âm binh và cô hồn vào trong nhà mình cho dù đã cúng cháo (lá đa) cho họ. Do đó nên tổ tiên có thể không nhận được gì con cháu cúng tế. Thế nên người ta thường cúng tổ tiên trước ngày rằm cho hợp lễ.

Như vậy, sự khác nhau giữa hai lễ trên là điều hiển nhiên. Tuy vậy, vẫn có nhiều người còn lẫn lộn giữa hai lễ thức, như nhận định của nhà nghiên cứu Nguyễn Duy Hinh: “Ngày rằm tháng 7 vốn là lễ Vu Lan của Phật giáo ghi nhớ việc báo hiếu của Mục Kiền Liên nhờ Phật cứu mẹ ra khỏi địa ngục. Nhưng người Việt đã chuyển hóa thành ngày tế cô hồn”²⁰.

2.4. Những nghi lễ của Phật giáo trong cúng âm hồn

Từ xa xưa, giới thầy cúng trong dân gian đã có mối quan hệ mật thiết với các chư tăng nơi cửa thiền. Họ cùng nhau làm chủ những khoa cúng bao chứa hệ thống âm nhạc nghi lễ đặc sắc của Phật giáo.

Ở nước ta, việc cúng rằm tháng Bảy bao giờ cũng phải cúng ở chùa (thờ Phật) trước, rồi mới đến cúng tại gia. Lễ này thường được làm vào ban ngày, tránh làm vào ban đêm, khi mặt Trời đã lặn. Ngoài ra, theo truyền thống trong dân gian, ngày này là ngày “xá tội vong nhân” nên nhiều nhà có mâm cơm cúng trước nhà, để cúng những vong linh bơ vơ không gia đình, còn gọi theo dân gian là “cúng cô hồn, cúng thí thực” (tặng thức ăn). Vào ngày này, mọi gia đình đều cúng hai mâm: cúng tổ tiên tại bàn thờ tổ tiên và cúng chúng sinh (cúng thí thực hay cúng cô hồn) ở sân trước nhà hoặc trên vỉa hè (nếu đường rộng), thời gian cúng có thể là vào buổi sáng, trưa hoặc chiều.

Có thể kể đến một số lễ của Phật giáo được sử dụng trong lễ cúng âm hồn, như: lễ Mông Sơn Thí thực; Lễ cúng Tiếp linh, Triệu linh, Chúc thực, Phát tấu, Cúng đàn kết (còn gọi Giải oan cắt kết), v.v...

Lễ Mông Sơn thí thực:

Đối tượng của nghi thức này là các hương linh chưa được siêu thoát sau khi trút hơi thở cuối cùng trên cõi trần thế. Trong đó có sáu nguyên nhân cơ bản, và để lễ cầu siêu có kết quả các nhà sư phải tập trung vào những nguyên nhân đó để giúp hương linh được siêu thoát:

1) Hận thù trong chiến tranh mà cái chết thành linh xảy ra thì làm cho mối thù hận ấy tăng thêm, chết trong hận thù như vậy khó siêu thoát.

2) Chết bất đắc kỳ tử, bao gồm các loại chết “ngang xương”, chết “lãng xẹt” khi nghiệp chưa hết, tuổi thọ chưa hết, như: chết thiên tai, động đất, lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh, tai nạn giao thông...

3) Chết do tự tử, tìm đến cái chết khi con người đứng trước những nghịch cảnh, rơi vào tuyệt vọng dẫn đến trầm cảm nặng và nghĩ rằng cái chết là phương tiện duy nhất để giải thoát khổ đau.

4) Chết trong nỗi oan ức, người ta chỉ còn cách chọn cái chết để thanh minh cho sự trong sạch của mình.

5) Chết trong tình yêu quyến luyến, da diết không buông. Khi chồng hoặc vợ mất đi, người còn lại vội vàng tái hôn trong vòng một năm để tạo ra một khoảng thời gian an toàn cho việc siêu thoát của người đã từng đầu ấp tay gối.

6) Sự tiếc nuối tài sản, sự nghiệp, vị trí xã hội, danh dự.

Tất cả những đối tượng trên khi chết, âm hồn không tiêu tán, vất vưởng nơi nhân gian, có khi gây hại cho người đang sống. Trong *Kinh điển Bắc truyền*, sáu đối tượng chết như trên thường có nhu cầu ăn uống vào giờ chiều tối. Nhưng có một điều cần nhận thức rõ là các hương linh không ăn như con người trần thế mà chỉ thưởng thức hương vị dâng cúng của người còn sống đối với người đã chết, thể hiện lòng tôn kính, tiếc nhớ dành cho hương linh. Hương linh không có miệng để đưa thực phẩm vào, không có cổ để nuốt, bao tử để chứa, hệ tiêu hóa để tiêu hóa. Tuy nhiên, dựa vào lễ vật dâng cúng như cơm, cháo, hương, đèn..., ý niệm về sự no đủ xuất hiện với họ. Chính vì vậy, trong nghi thức dâng cúng, phẩm vật rất đơn giản. Cần hiểu rõ nhu cầu đói khát của hương linh khác với con người, để không quá bận tâm cúng các món người chết thích khi còn sống. Vì cúng như vậy không những không có giá trị, mà còn tốn kém.

Theo quan điểm Phật giáo, toàn bộ nhận thức của hương linh chỉ đơn giản là cảm nhận bằng cái tâm. Do đó, những người tham gia cúng âm hồn, cô hồn vào buổi chiều tối, quan trọng nhất là năng lực

hoán tướng và hành trì. Vì vậy, khi tiến hành cúng hoặc cầu siêu cần tập trung cao độ vào đối tượng thờ cúng, tránh phân tâm dẫn đến cúng kiếng và cầu siêu không còn ý nghĩa, âm hồn không cảm nhận được.

Lễ cúng Tiếp linh, Triệu linh, Chúc thực, Phát tấu, Cúng đàn kết (còn gọi Giải oan cắt kết):

Những lễ cúng này đều có mục đích chung là cầu siêu cho các linh hồn được giải thoát, nhân sự gia chủ được bình an. Điều đó có nghĩa các lễ thức được sáng tạo nhằm tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa Phật giáo với đời sống tâm linh trong dân gian, mà cụ thể là các nghi thức tang ma, vong hồn, mồ mả,...

Có giả thuyết cho rằng, lễ cầu siêu bắt nguồn từ các tông phái Phật giáo chịu ảnh hưởng của Đạo giáo và văn hóa Trung Quốc. Còn ở Việt Nam, tương truyền, một trong những người có công lớn góp phần xây dựng các khoa cúng nói trên chính là Thiền sư Huyền Quang (1254-1334) (tổ thứ ba của Thiền phái Trúc Lâm). Ở góc độ nghệ thuật, các khoa cúng chính là nơi hội tụ toàn bộ các giá trị tinh hoa của ca, múa, nhạc Phật giáo Việt Nam. Với hệ kỹ thuật cũng như phương pháp xây dựng âm điệu ở trình độ cao, âm nhạc Phật giáo được xem như sánh vai cùng các thể loại chuyên nghiệp trong nền âm nhạc cổ truyền dân tộc.

Ở đây, mọi giá trị được lưu truyền ở các lò đào tạo mang tính chuyên nghiệp, với mối quan hệ phối hợp, chuyển giao qua lại giữa những chư tăng cùng các thầy cúng ngoài dân gian. Có nghĩa, khi nhà chùa để thất truyền lối giọng thì phải cử các nhà sư trẻ ra ngoài học thầy cúng và ngược lại, các thầy cúng cũng có thể tìm đến chùa để trau dồi thêm tài năng, ngón nghề của mình.

Kết luận

Xuất phát từ các tín niệm khác nhau về âm hồn, người dân có cách cúng tế các đối tượng này rất đa dạng với những hình thức diễn xướng và thực hành nghi lễ phong phú. Tuy nhiên, khi đi sâu vào các tầng lớp nhân dân, nó đã có những thay đổi và mang âm hưởng của một tín ngưỡng dân gian khá sâu đậm. Qua việc nghiên cứu tín ngưỡng thờ cúng âm hồn và ảnh hưởng của Phật giáo tới tín ngưỡng này, có thể rút ra một số kết luận:

1. Tín ngưỡng thờ cúng âm hồn là một hiện tượng mang tính lịch sử - xã hội. Thờ cúng âm hồn không chỉ là cách ứng xử của người sống đối với tổ tiên, những người đã khuất, những số phận bất hạnh đã thác xuống, không có nơi nương tựa, mà còn là cách ứng xử giữa những người đang còn tồn tại trên thế gian này.

2. Đây là một tín ngưỡng đầy chất nhân văn, thể hiện bản tính thiện của người Việt: trọng tình, thương người, biết xót thương cho những số phận bất hạnh. Tín ngưỡng này đã biết dung hợp tư tưởng từ bi hỷ xả của Phật giáo tạo thành một tín ngưỡng đậm chất nhân văn.

3. Bên cạnh một nghi lễ tâm linh truyền thống, với sự ảnh hưởng của Phật giáo, tín ngưỡng thờ cúng âm hồn còn mang nhiều lớp ý nghĩa khác, đó là tư tưởng cầu an, cầu mùa của cư dân xưa và cả ngày nay. Trong cuộc sống nhân sinh, con người luôn phải đối mặt với những rủi ro, bất trắc, những tai ương... do đó cần thiết là cần được “âm phù”.

4. Cho đến nay, tín ngưỡng thờ cúng âm hồn vẫn giữ một vai trò rất quan trọng trong đời sống tinh thần của người dân Việt. Cùng với sự phát triển của xã hội, tục này cũng đã có sự thay đổi theo cả hai chiều hướng tích cực và tiêu cực. Tuy nhiên, những giá trị mà nó đem lại là không thể phủ nhận, trong đó có những yếu tố của Phật giáo. Biết lựa chọn và dung hợp những yếu tố tiến bộ của các tôn giáo ngoại sinh, trong đó có Phật giáo vào trong các hình thái tín ngưỡng dân gian, trong đó có tục thờ cúng âm hồn đã làm cho các tín ngưỡng càng thêm phong phú và đa dạng.

5. Đây là nét độc đáo trong truyền thống văn hóa, là thuần phong mỹ tục của người Việt. Cùng với các tín ngưỡng dân gian khác, tín ngưỡng thờ cúng âm hồn cũng đã trở thành một nét đẹp trong sự đa dạng tín ngưỡng của người Việt. Như vậy, muốn nghiên cứu văn hóa dân gian của người Việt, đòi hỏi phải nghiên cứu các hình thái tín ngưỡng dân gian, mà tín ngưỡng thờ cúng âm hồn là một ví dụ điển hình. /.

CHÚ THÍCH:

- 1 Nguyễn Như Ý, Chu Huy (2011), *Từ điển văn hóa, phong tục cổ truyền Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội: 17.
- 2 Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường (1999), *Đình Nam Bộ xưa và nay*, Nxb. Đồng Nai: 138.
- 3 Phan Kế Bính (1875-1921), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Văn hóa thông tin, tái bản 2005, Hà Nội: 151.
- 4 Vị quan cai quản việc sinh tử trong quan niệm của Đạo giáo.
- 5 Hoàng Phê (2005), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng: 87.
- 6 Toan Ánh (2005), *Phong tục thờ cúng trong gia đình, nơi công cộng Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội: 11.
- 7 Toan Ánh, Sđd: 11.
- 8 Phan Ngọc (2002), *Bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Văn học, Hà Nội: 319.
- 9 Nguyễn Đăng Duy (2002), *Văn hóa tâm linh*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội: 191.
- 10 Toan Ánh, Sđd: 51.
- 11 Phan Kế Bính (1875-1921), Sđd: 149.
- 12 Toan Ánh, Sđd: 51.
- 13 Phan Kế Bính (1875-1921), Sđd: 149.
- 14 Nguyễn Lang (1974), *Việt Nam Phật giáo Sử luận*, Nxb. Lá Bối - Sài Gòn, 412.
- 15 *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, tập 2, Bản in nội các quan bản, Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004: 92.
- 16 *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, Sđd: 115.
- 17 Nguyễn Lang, Sđd: 412.
- 18 Nguyễn Duy Hình (2007), *Tâm linh Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội: 75.
- 19 Phan Huy Chú (1992), *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội: 143.
- 20 Nguyễn Duy Hình, Sđd: 532.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Toan Ánh (2005), *Phong tục thờ cúng trong gia đình, nơi công cộng Việt Nam*, Nxb. Thanh niên, Hà Nội.
2. Phan Kế Bính (1875-1921), *Việt Nam phong tục*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội, tái bản 2005.
3. Phan Huy Chú (1992), *Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội.
4. Nguyễn Đăng Duy (2002), *Văn hóa tâm linh*, Nxb. Văn hóa thông tin, Hà Nội.
5. *Đại Việt Sử Ký Toàn Thư*, tập 2, Bản in nội các quan bản, Mộc bản khắc năm Chính Hòa thứ 18 (1697), Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2004.
6. Nguyễn Duy Hình (2007), *Tâm linh Việt Nam*, Nxb. Từ điển Bách khoa, Hà Nội.
7. Hội khai trí Tiến Đức (1931), *Việt Nam Tự điển*, Nxb. Mặc Lâm.
8. Nguyễn Xuân Hương (2009), *Tín ngưỡng cư dân ven biển Quảng Nam - Đà Nẵng*, Nxb. Từ điển Bách khoa & Viện văn hóa.

9. Nguyễn Lang (1974), *Việt Nam Phật giáo Sử luận*, Nxb. Lá Bối - Sài Gòn.
10. Hoàng Phê (2005), *Từ điển Tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng.
11. Nguyễn Minh San (1998), *Tiếp cận tín ngưỡng dân dã Việt Nam*, Nxb. Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
12. Huỳnh Ngọc Trảng, Trương Ngọc Tường (1999), *Đình Nam Bộ xưa và nay*, Nxb. Đồng Nai.
13. Nguyễn Như Ý, Chu Huy (2011), *Từ điển văn hóa, phong tục cổ truyền Việt Nam*, Nxb. Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.

Abstract

BUDDHISM'S AFFECTION IN WORSHIPING SPIRITS OF THE VIETNAMESE

Vu Hong Van

Ho Chi Minh City University of Transportation

Nguyen Trong Long

Ho Chi Minh City University of Natural Resources and Environment

The custom of worshiping spirits is a form of folk belief (popular religion), which has been popular in the religious life of the Vietnamese. Like other folk beliefs, this religion has been influenced by foreign religions, including Buddhism in this context of cultural exchange. Based on research on ancient bibliographies as well as fieldwork in some localities across the country, this paper systematically presents the worship of spirits, and the influence of Buddhism on this belief.

Keywords: Buddhism; worship; spirits; Vietnamese.